

Bản án số: 08/2018/HS-ST

Ngày: 06/02/2018.

NHÂN DANH

N- ỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN - THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và bà Ngô Thị Mai

Th- ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Ông Đào Hải Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá mở phiên toà xét xử sơ thẩm tụng khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-HS ngày 09/01/2018 đối với:

***> Các bị cáo:**

1. Bị cáo: Họ và tên **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1995, nơi ĐKKHKT, thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T và con bà Nguyễn Thị L (đã chết), vợ Thiều Thị H và 01 con nhỏ; Tiền án: Tháng 5/2017 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 07 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”; Tiền sự: Không; nhân thân ngày 09/01/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn xử phạt 10 năm tù 01 tháng tù về tội “Chứa chấp, sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy” hiện đang bị tạm giam theo quyết định tạm giam của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, có mặt.

2. Bị cáo: Họ và tên **Vũ Trọng H**, sinh năm 1993, STQ, thôn thôn M, xã TH, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Tr Trọng (đã chết) và con bà Vũ Thị L, bị cáo chưa có vợ; Tiền án, Không; Tiền sự: Tháng 7 năm 2017, bị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn áp dụng biện pháp xử lý hành chính bằng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 tỉnh Thanh Hóa; Nhân thân: Năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” Hiện bị cáo đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 01 tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

3. Bị cáo họ và tên: **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1997, nơi ĐKKHKT, thôn Q, xã Đồ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam; Bó: không xác định; mẹ bà Nguyễn Thị B, bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: không, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2017 đến nay, có mặt.

***> Những người bị hại:**

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1972
Trú tại: Xóm K, xã N, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa
 - Ông Lê Văn Q, sinh năm 1958
Trú tại: Xóm M, xã TN, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
 - Ông Vũ Trọng Tr, sinh năm 1963
Trú tại: thôn Thái Sơn, xã T, huyện Triệu Sơn
 - Bà Thiệu Thị T, sinh năm 1980
Trú tại: Thôn: Q, xã Đ, huyện T.
 - Ông Nguyễn Anh C, sinh năm 1951
Trú tại: Xóm K, xã KN, huyện T, tỉnh Thanh Hóa
- Những người bị hại đều vắng mặt

***> Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Thọ X, sinh năm 1968
Trú tại: Thôn X, xã Đồ, huyện T
- Bà Cao Thị H, sinh năm 1977
Trú tại: Xóm 5, xã TK, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.
- Bà Vũ Thị Ng, sinh năm 1970
Trú tại: Thôn Trúc Chuẩn 2, xã Đ, huyện T, đều vắng mặt

***> Những người làm chứng:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970; Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1984, đều trú tại xã Đ, huyện T, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ, ngày 20/4/2017, T, V và G cùng ngồi chơi ở nhà T thì T gọi điện cho Vũ Trọng H đòi tiền nợ, H trả lời, “ Giờ không có tiền” Tới nói “ Mi không có tiền thì đi làm trả tau” nghĩa là đi lấy trộm xe máy bán lấy tiền trả cho T, H đồng ý và bảo không có xe nên T cho G đi xe máy Dream không biển số đến đón Hải, khi Hải đến nhà Tới, tại đây H nói với T “Trên xã Khuyến Nông có đám cưới, cho thằng đi với tau” thì T bảo V đi trộm xe cùng với H, V Đồng ý, H hỏi V “ Cầm vạm phá khóa chưa” V trả lời “Cầm rồi” sau đó H dùng xe máy Dream chở V đến đám cưới ở xã Khuyến Nông, do đông người không lấy được xe, cả hai đến đám cưới nhà anh Thắng ở xã Nông Trường, đến nơi H phát hiện xe máy Sirius biển kiểm soát 36B3 42482 màu vàng đen của anh B, không có người trông coi nên H dùng xe và bảo V xuống dùng chiếc vạm mang theo phá khóa và lấy xe nhưng V không phá được khóa nên H xuống trực tiếp phá khóa và lấy xe đi trước còn V đi xe Dream phía sau, đi đến đoạn cánh đồng vắng thì H đổi chiếc xe vừa trộm được cho V để Việt đến nhà T sau đó T và Việt mang chiếc xe vừa trộm được đến nhà anh D ở thôn Phúc Ấm xã Đồng Tiến (là người quen của T) cất giấu nhưng không gặp được anh D, cả hai quay về, khi đến cầu B10 thuộc xã Đồng Tiến, T và V dùng xe tháo biển số, gương xe và đi tiếp về nhà T, chiếc xe này T

mang bán cho chị Ng ở thôn Trúc Chuẩn 2 lấy 10.000.000đ, chị Ng bán lại cho ông Nguyễn Thọ X lấy 12.000.000đ, khi chị H con gái ông X mượn chiếc xe này đi lại thì bị anh B phát hiện và báo công an thu giữ, đến ngày 18/9/2017, V đến công an đầu thú và khai báo hành vi phạm tội cùng với T và H. chiếc xe này Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự định giá là 8.000.000đ.

Quá trình điều tra Tới và Hải còn khai nhận, ngoài hành vi trộm cắp tài sản là xe máy của anh B, H còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 4 lần trong đó 3 lần H trộm cắp cùng với T.

Lần thứ nhất: Khoảng 19 giờ ngày 23/3/2017, T điều khiển xe máy Dream đến nhà H, rồi cả hai đi tìm xe máy để trộm cắp, khi đến địa phận xóm 3, xã Tiến Nông phát hiện thấy xe máy WaveS màu đen, biển kiểm soát 36P6-1199 của ông Lê Văn Q dựng ở ven đường, T dừng xe cho H xuống dùng vạm phá khóa lấy trộm xe đem về nhà T cất giấu, chiếc xe này T tháo biển số dùng để đi lại, và trừ nợ cho H 2.500.000đ, ngày 04/10/2017 ông Nguyễn Văn T báo T mang chiếc xe này đến công an giao nộp, trước đó ông T cũng đã giao nộp 02 BKS 36B1 07048 và 36P6 1199.

Lần thứ hai: Khoảng 17 giờ ngày 06/4/2017, T điều khiển xe máy Dream chở H đi tìm xe máy để trộm cắp, cả hai đi đến đoạn đường cao tốc Sao vàng – Nghi Sơn thuộc thôn Quân Nham 1 xã Đồng Lợi, phát hiện thấy xe máy Wave màu xanh - đen bạc BKS 36B4 27522 của chị Thiều Thị T dựng ở vệ đường, T dừng xe cho H xuống dùng vạm phá khóa lấy trộm xe rồi cả hai đem xuống nhà chị Cao Thị H ở xã Tân Khang, huyện N cầm cố được 12.000.000đ cùng ăn chia, sau đó chị H đem xe và giấy tờ xe giao nộp cho Công an huyện Triệu Sơn.

Lần thứ ba: Khoảng 11 giờ không nhớ ngày của tháng 5/2017, T đi xe máy Dream đến nhà chở H đi tìm xem máy để trộm cắp, cả hai đi đến đoạn đường cao tốc thuộc thôn Thái Sơn, xã Thái Hòa thì phát hiện thấy xe Wave màu xanh đen, bạc BKS 36B5 10250 của ông Vũ Trọng Tr dựng ở ven đường, T dừng xe cho xuống dùng vạm phá khóa lấy xe đem về nhà T, Tới tháo biển kiểm soát dùng đi lại một thời gian và cho anh Nguyễn Văn H cùng xã mượn đi lại, ngày 18/10/2017 anh H mang xe lên giao nộp công an huyện Triệu Sơn.

Lần thứ tư: Sáng ngày 08/4/2017 H đi bộ từ nhà đến xóm 3 xã Khuyến Nông, thấy xe máy Sufat BKS 36B1 07048 màu đỏ đen của ông Nguyễn Anh C dựng trên đoạn đường cánh đồng sau nhà, thấy không có người trông coi, Hải đến gần dùng vạm phá khóa và điều khiển xe đến nhà T nói với T vừa lấy trộm được và bán cho T 2.000.000đ, T mua xe xong dùng đi lại một thời gian đến ngày 12/9/2017 bị cáo V mang đi cầm cố cho anh Vũ Đình S lấy 500.000đ, ngày 21/9/2017 anh S mang đến công an huyện Triệu Sơn giao nộp.

Số tiền có được từ việc cầm cố và bán xe trộm cắp, các bị cáo dùng mua ma túy sử dụng.

Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự định giá xe máy Wave màu đen BKS 36P6 -1199 trị giá 5.000.000đ, xe máy Wave màu xanh-đen bạc BKS 36B4 27522 trị giá 12.000.000đ, xe máy Wave màu xanh-đen bạc BKS 36B5 10250 trị giá 8.300.000đ và xe máy SuFat màu đỏ đen BKS B1 07-48 trị giá 2.000.000đ.

Đối với chiếc vạm chữ T các bị cáo dùng để phá khóa xe máy, các bị cáo khai đã vứt, không nhớ chỗ nào, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không được, đối với chiếc xe Dream không biển kiểm soát các bị cáo dùng làm phương tiện

phạm tội là của bị cáo T, hiện chưa xác định được ở đâu, cơ quan điều tra đang tiếp tục truy tìm.

Đối với chị Cao Thị H, Vũ Thị Ng, anh Vũ Đình S cho các bị cáo cầm cố xe nhưng không biết là tài sản trộm cắp nên không xem xét trách nhiệm hình sự, đối với anh Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H có hành vi sử dụng tài sản do phạm tội mà có nhưng những người này không biết đây là tài sản trộm cắp nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Triệu Sơn đã trả lại xe và giấy tờ xe cho bị hại, các bị hại đã nhận lại xe không có yêu cầu gì thêm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Cao Thị H yêu cầu bị cáo H và T bồi thường số tiền 12.000.000đ, bà Vũ Thị Ng yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 10.000.000đ, ông Nguyễn Thọ X yêu cầu bà Ng phải thanh toán lại số 12.000.000đ, anh Vũ Đình S không yêu cầu bị cáo Việt phải bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 03/CT/KSĐT-KT ngày 05/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn đã truy tố các bị cáo Vũ Trọng Hải và Nguyễn Văn V về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, bị cáo Nguyễn Văn T về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 BLHS , tại phiên tòa kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33, Điều 20, 53 Bộ luật hình sự cho cả ba bị cáo; áp dụng khoản 1 Điều 250, điểm g khoản 1 Điều 48, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T, áp dụng điểm h khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo V, áp dụng điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H.

Để xử phạt các bị cáo Vũ Trọng H từ 24 đến 30 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, Nguyễn Văn V từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam, Nguyễn Văn T từ 24 đến 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và từ 7 đến 9 tháng về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tổng hợp cả hai tội từ 31 đến 39 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Sau khi bản án này và bản án ngày 09/01/2018 có hiệu lực pháp luật, đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, tổng hợp hình phạt của nhiều bản án và buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, không có việc làm ổn định, đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về dân sự, những người bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Buộc các bị cáo T và H liên đới bồi thường cho bà Vũ Thị Ng 10.000.000đ, chia phần T 6.000.000đ, H 4.000.000đ, bồi thường cho chị Cao Thị H 12.000.000đ, chia phần T 6.000.000đ, H 6.000.000đ, bà Nghĩa phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 2.000.000đ cho ông X.

Phản tranh luận các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng và luận tội của kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận gì.

Các bị cáo T và H chấp nhận trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà Cao Thị H và ông Nguyễn Thọ X, nhưng hiện khó khăn và phải chấp hành hình phạt tù nên xin bồi thường dần.

Lời nói sau cùng các bị cáo đều đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người liên quan, người làm chứng đều không có khiếu nại, tố cáo gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện thể hiện trong hồ sơ đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo T, H, V khai nhận: Ngày 20/4/2017 các bị cáo đã trộm cắp chiếc xe máy Sirius biển kiểm soát 36B3 42482 màu vàng đen của anh Nguyễn Văn B trị giá 8.000.000đ. sau đó T mang bán cho chị Ng ở thôn Trúc Chuẩn 2 lấy 10.000.000đ, T sử dụng 6 triệu, trừ nợ cho H 4 triệu, chị Ng bán lại cho ông Nguyễn Thọ X lấy 12.000.000đ. Ngày 18/9/2017, Việt đến công an đầu thú và khai báo hành vi phạm tội.

Ngoài lần phạm tội trên T và H còn khai nhận các lần phạm khác:

Lần thứ nhất ngày 23/3/2017, Tới và Hải trộm cắp xe máy WaveS màu đen BKS 36P6- 1199 của ông Lê Văn Q trị giá 5.000.000đ, chiếc xe này T dùng đi lại và trừ nợ cho Hải 2.500.000đ, ngày 04/10/2017, ông Nguyễn Văn T bỏ Tới mang chiếc xe này đến công an giao nộp.

Lần thứ hai: Ngày 06/4/2017, T và H trộm cắp một xe máy Wave màu xanh - đen bạc BKS 36B4 27522 của chị Thiều Thị T, trị giá 12.000.000đ mang cầm cố cho chị Cao Thị H lấy 12 triệu đồng ăn chia với nhau.

Lần thứ ba: Khoảng tháng 5/2017, T và H trộm cắp xe Wave màu xanh -đen bạc BKS 36B5 10250 của ông Vũ Trọng Tr, trị giá 8.300.000đ, T cho anh Nguyễn Văn H cùng xã mượn đi lại, ngày 18/10/2017 anh H mang xe lên giao nộp công an huyện Triệu Sơn.

Vụ thứ tư: Ngày 08/4/2017, H tự mình trộm cắp 01 xe máy Sufat BKS 36B1 07048 màu đỏ đen của anh Nguyễn Anh C trị giá 2.000.000đ, mang bán cho Tới lấy 2.000.000đ, Tới dùng đi lại đến ngày 12/9/2017 bị cáo V mang đi cầm cố cho anh Vũ Đình S lấy 500.000đ, ngày 21/9/2017 anh S mang đến Công an huyện Triệu Sơn giao nộp.

Số tiền có được từ việc cầm cố và bán xe tài sản trộm cắp, các bị cáo dùng chi tiêu cá nhân và mua ma túy sử dụng.

Lời khai của các bị cáo phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, người liên quan, tang vật chứng thu giữ được, nội dung Bản cáo trạng và các tài liệu, chứng khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát

truy tố các bị cáo H, V về tội Trộm cắp tài sản và truy tố bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” có là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử đủ căn cứ khẳng định hành vi của các bị cáo T, H, V đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 và hành vi của các bị cáo T đủ dấu hiệu cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 250 BLHS năm 1999. (viết tắt BLHS 1999)

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, ngoài ra còn làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn, nhất là những nơi đông người, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân.

Đây là vụ án trộm cắp tài sản nhiều người tham gia nhưng giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò trước, khi có cơ hội là thống nhất hành động nên là đồng phạm giản đơn.

Đối với hành vi trộm cắp tài sản ngày 20/4/2017 là chiếc xe máy Sirius biển kiểm soát 36B3 42482 màu vàng đen của anh B trị giá 8.000.000đ, Nguyễn Văn T là người khởi xướng, sau đó còn trực tiếp bán chiếc xe này cho chị Ng ở thôn Trú Chuẩn 2 xã Đồng Lợi lấy 10.000.000đ, nên phải chịu trách nhiệm chính, còn Nguyễn Văn H là người thực hành tích cực nên phải chịu trách nhiệm vai trò thứ hai sau T, Nguyễn Văn V tuy không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nhưng là người giúp sức tích cực từ đầu nên phải chịu trách nhiệm vai trò thứ 3.

Đối với các lần trộm cắp tài sản của anh Q, chị T và ông T, bị cáo T luôn là người rủ rê nên cũng phải chịu trách nhiệm chính, còn H chịu trách nhiệm thứ hai, riêng lần trộm cắp tài sản ngày 08/4/2017 do mình H thực hiện nên phải chịu trách nhiệm độc lập về lần trộm cắp này, sau khi trộm cắp xe máy của anh C, H mang bán cho T lấy 2 triệu đồng, khi bán cho T, H nói là tài sản vừa trộm cắp được nhưng T vẫn mua nên T phải chịu trách nhiệm về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999, bị cáo V phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đầu thú là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1,2 Điều 46 BLHS 1999, bị cáo V tuy có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, nơi ở ổn định hiện đang bị tạm giam nên cần phải xử lý nghiêm và cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T, H ngoài hành vi trộm cắp ngày 20/4/2017, còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhiều lần khác như ngày 23/3/2017, H và T đã trộm cắp xe máy WaveS màu đen BKS 36P6-1199 của ông Lê Văn Q trị giá 5.000.000đ, ngày 06/4/2017, trộm cắp tiếp một xe

máy Wave màu xanh - đen bạc BKS 36B4 27522 của chị Thiều Thị T, trị giá 12.000.000đ, tháng 5/2017, tiếp tục trộm cắp xe Wave màu xanh-đen bạc BKS 36B5 10250 của ông Vũ Trọng Tr, trị giá 8.300.000đ, ngoài các lần trộm cắp cùng với Tới, ngày 08/4/2017 H còn tự mình trộm cắp 01 xe máy Sufat BKS 36B1 07048 màu đỏ đen của ông Nguyễn Anh C trị giá 2.000.000đ, như vậy hành vi lén lút trộm cắp tài sản nhiều lần với tổng giá trị 33.300.000đ của bị cáo T và H là phạm tội nhiều lần, bị cáo T đang có tiền án lại phạm tội nên là tái phạm, nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần và bị cáo T tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS 1999.

Bị cáo T ngày 09/01/2018 bị TAND huyện Triệu Sơn xử phạt 10 năm 01 tháng tù về 2 tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy” Bản án này chưa có hiệu lực pháp luật, nên không tổng hợp trong bản án này. Do bị cáo T phạm nhiều tội trong lần xét xử này nên áp dụng Điều 50,51 BLHS, để tổng hợp hình phạt của nhiều tội.

Vũ Trọng H hiện đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của TAND huyện Triệu Sơn cai nghiện bắt buộc, do bị phạt tù giam nên miễn chấp hành thời gian cai nghiện bắt buộc còn lại cho bị cáo theo quy định tại Điều 117 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

Các bị cáo đều có nhân thân xấu, đều là đối tượng nghiện ma túy, cần phải xử lý nghiêm và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới đủ khả năng giáo dục các bị cáo.

Các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Tài sản trộm cắp, đã thu và trả lại cho các bị hại, đối với chiếc xe máy Draem không biển số T, H sử dụng làm phương tiện phạm tội nhiều lần hiện chưa tịch thu được, Cơ quan điều tra có trách nhiệm truy tìm để xử lý theo quy định của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với những người bị hại đã nhận lại tài sản và đều không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Xét yêu cầu bồi thường của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

*> Bà Cao Thị H, yêu cầu các bị cáo T và H bồi thường số tiền 12.000.000đ. xét yêu cầu của bà H, sau khi trộm cắp được chiếc xe Wave Biển kiểm soát 36B4 27522 của chị Tới, thì T và H đem cầm cố cho bà H lấy 12 triệu đồng chi tiêu cá nhân, khi nhận cầm cố bà H không biết là tài sản trộm cắp, chiếc xe đã được thu hồi trả lại cho chị T, do vậy các bị cáo T và H phải liên đới bồi thường cho bà H mỗi bị cáo 6.000.000đ.

*> Bà Vũ Thị Ng yêu cầu các bị cáo T, H bồi thường số tiền 10 triệu đồng, xét yêu cầu của bà Ng, sau khi T, H, V trộm cắp chiếc xe máy BKS 36B3-42482 của anh Bộ, sau đó Tới bán cho chị Ng lấy 10.000.000đ, chị Ng bán lại cho ông X lấy 12 triệu đồng, chiếc xe đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, số tiền 10 triệu đồng T ăn chia cho H 4.000.000đ, còn được hưởng 6 triệu đồng, như vậy từ hành vi trái pháp luật của các bị cáo và người bị thiệt hại cuối cùng là ông X, tại đơn xin

xử án vắng mặt, bà Ng và ông X đều yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 10.000.000đ cho ông X, tại phiên tòa các bị cáo H, T đều nhận trách nhiệm bồi thường số tiền 10.000.000đ cho ông X do đó buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho ông X 10 triệu đồng, T 6.000.000đ, H 4.000.000đ, do bà Ng được lợi 2 triệu đồng mà không có căn cứ pháp luật nên phải hoàn trả lại cho ông X 2.000.000đ theo quy định tại điều 579, 580 Bộ luật dân sự.

Ngày 23/3/2017, T và H trộm cắp xe máy WaveS màu đen BKS 36P6- 1199 của ông Lê Văn Q trị giá 5.000.000đ, chiếc xe này T dùng đi lại và trừ nợ cho H 2.500.000đ, như vậy là H được hưởng lợi bất chính số tiền 2.500.000đ, truy thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với chiếc xe Sufat BKS 36B1 07048, H trộm cắp của anh Nguyễn Anh C mang bán cho bị cáo T lấy 2.000.000đ, như vậy đây là tiền thu lợi bất chính cần truy thu của bị cáo H 2.000.000đ sung quỹ nhà nước.

Đối với bà Cao Thị H, anh Nguyễn Văn H, anh Vũ Đình S cho bị cáo cầm cố tài sản trộm cắp, và bà Vũ Thị Ng mua tài sản trộm cắp những người này khi mua bán, cầm cố tài sản không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[5] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn T, Vũ Trọng H, Nguyễn Văn V, phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*” và bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”

□p dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20,53 Điều 33 BLHS năm 1999 đối với bị cáo Vũ Trọng H và Nguyễn Văn V, áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 đối với bị cáo H, áp dụng điểm h khoản 1,2 Điều 46 BLHS năm 1999 đối với bị cáo V.

Xử phạt bị cáo Vũ Trọng H 24 (Hai bốn) tháng tù, thời gian chấp hình phạt tù, tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 06/02/2018).

Miễn thời gian chấp hành cai nghiện còn lại của quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 10/2017/QĐ-TA ngày 10/7/20176 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn cho bị cáo Vũ Trọng H.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 12 (mười hai) tháng tù, thời gian chấp hình phạt tù, tính từ ngày tạm giữ, tạm giam, ngày 18/9/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20,53, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 28 (Hai tám) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 250, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Điều 33 BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (Chín) tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”

Áp dụng Điều 50,51 BLHS năm 1999, tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là 37 (Ba bảy) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt chấp hành hình phạt, tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 136, 331, 333, 337 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 579,580 Bộ luật dân sự, Điểm a khoản 1 Điều 21, Điều 23, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/QH14.

Về dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và Vũ Trọng H liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Thọ X 10.000.000đ, T 6.000.000đ, H 4.000.000đ. bồi thường cho bà Cao Thị H 12.000.000đ, mỗi bị cáo 6.000.000đ.

Buộc bà Vũ Thị Ng phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thọ X 2.000.000đồng.

Truy thu của bị cáo Vũ Trọng H số tiền 4.500.000đ, sung quỹ Nhà Nước.

Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Vũ Trọng H và Nguyễn Văn V, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 600.000đ và bị cáo Vũ Trọng H phải chịu 500.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Ng phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, người bị hại, người liên quan vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND cùng cấp;
- CCTHADS cùng cấp;
- Công an huyện Triệu Sơn;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

Lê Đình Hợp